SUY DINH DƯỠNG VÀ YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở TRẺ DƯỚI 5 TUỔI DÂN TỘC CHỨT, VÂN KIỀU NĂM 2019

Lê Thị Thu Hà[1,] ✉, Phạm Duy Tường[2], Nguyễn Minh Trang[2,]

[1]Trung tâm Y Tế, Huyện Bố Trạch Quảng Bình

[2]Trường Đại học Thăng Long

Nghiên cứu mô tả thực trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan của trẻ em dưới 5 tuổi người dân tộc Chứt và Vân Kiều tại 3 xã miền núi Sơn Trạch, Tân Trạch và Thượng Trạch. Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang với cỡ mẫu 375 trẻ và bà mẹ có con dưới 5 tuổi được đánh giá dinh dưỡng bằng các chỉ tiêu nhân trắc và phỏng vấn với bộ câu hỏi thiết kế sẵn. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ SDD nhẹ cân của trẻ em dưới 5 tuổi của Dân tộc Chứt là 38,3% và dân tộc Vân kiều là 21,0%. Tỷ lệ suy dưỡng thể thấp còi là 31,5% và thể gầy còm là 8,8%. Các yếu tố liên quan đến tỷ lệ SDD cao như kinh tế hộ gia đình nghèo, trình độ học vấn hạn chế và thiếu kiến thức thực hành nuôi dưỡng chăm sóc trẻ. Cần có chương trình cải thiện mức sống, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em để giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng.

Từ khóa: Suy dinh dưỡng, trẻ em dưới 5 tuổi, dân tộc Chứt, dân tộc Vân Kiều.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Suy dinh dưỡng ở trẻ em đang là một vấn đề quan trọng trong sức khoẻ cộng đồng, đặc biệt tại các nước đang phát triển, trong đó bao gồm các nước Đông Nam châu Á và châu Phi.[1,2] Trẻ bị suy dinh dưỡng thường xảy ra sớm ở 6 tháng đến 2 tuổi và liên quan đến ăn bổ sung sớm, cai sữa sớm, chế độ ăn nghèo protein, thường xuyên mắc các bệnh nhiễm trùng.[3,4]

Điều tra của Viện Dinh Dưỡng Quốc Gia năm 2013,[5] Quảng Bình có tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi 19,8% chiều cao/tuổi 30,8% và cân nặng/chiều cao là 6,5% là tỉnh có tỷ lệ suy dinh dưỡng cao nhất miền Trung. Đã có những đề tài nhiên cứu dinh dưỡng ở Quảng Bình, tuy nhiên chưa có đề tài nào nghiên cứu về thực trạng dinh dưỡng cho huyện Bố Trạch, đặc biệt là dân tộc Chứt (Arem), Vân Kiều (Makoong).

Huyện Bố Trạch có 3 xã miền núi, dân tộc Chứt Vân Kiều sinh sống ở đây và chiếm 98% dân số của 2 xã. Địa bàn phức tạp, khí hậu khắc nghiệt, điều kiện kinh tế còn gặp nhiều khó khăn. Trong những năm qua công tác phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em của huyện đã được chú trọng và đạt những kết quả đáng kể, năm 2018 là 11,0% giảm 37,8 % so với năm 2012 (17,7%) . Nhưng tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi tại 03 xã Sơn Trạch, Tân Trạch và Thượng Trạch cao nhất toàn huyện. Để tìm hiểu thực trạng suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi người dân tộc Chứt và dân tộc Vân kiều tại 03 xã trên. Chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài với mục tiêu là mô tả thực trạng suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi người dân tộc Chứt và dân tộc Vân Kiều tại 3 xã miền núi Sơn Trạch, Tân Trạch và Thượng Trạch huyện Bố Trạch - tỉnh Quảng Bình năm 2019 và phân tích một số yếu tố liên quan đến suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi tại 3 xã nghiên cứu.

Tác giả liên hệ: Lê Thị Thu Hà,
Trung tâm Y Tế, Huyện Bố Trạch Quảng Bình
Email: thuha.dpbt@gmail.com
Ngày nhận: 14/04/2020
Ngày được chấp nhận: 22/05/2020

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Đối tượng

Trẻ em dưới 5 tuổi sinh từ 01/6/2014 đến

30/5/2019 và bà mẹ có con dưới 5 tuổi.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Thời gian: từ tháng 4/2019 đến tháng 7/2019

Địa điểm: tại 3 xã miền núi rẻo cao: Tân Trạch, Thượng Trạch, Sơn Trạch – Huyện Bố Trạch – Tỉnh Quảng Bình

2. Phương pháp

Thiết kế nghiên cứu: Sử dụng phương pháp điều tra mô tả cắt ngang có phân tích

Cỡ mẫu nghiên cứu:

Công thức tính cỡ mẫu: Cỡ mẫu tính theo cỡ mẫu quần thể hữu hạn.

*Bước 1

- Đối với trẻ và mẹ, áp dụng công thức cỡ mẫu trong điều tra mô tả cắt ngang.

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \frac{p(1-p)}{\Delta^2}$$

Trong đó:

n : Số trẻ và mẹ cần điều tra

p : Tỷ lệ (%) suy dinh dưỡng ước tính, lấy tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi của tỉnh Quảng Bình năm 2013 là 19,8%6 (p = 0.198).

Z : Ứng với độ tin cậy 95% thì z = 1,96

α : Là mức ý nghĩa thống kê, lấy α = 5%

∆ : Sai số cho phép 0,05

(1 – p) = 1 – 0,198 = 0,802

Thay số vào công thức, tính được cỡ mẫu nghiên cứu là 244

*Bước 2: Tính cỡ mẫu cho từng xã theo tỷ lệ mẫu theo số trẻ của từng xã có được. Tính cỡ mẫu cho quần thể hữu hạn ở 3 xã và tăng thêm 10 % bỏ cuộc.

Thực tế số số mẫu là 375 trong đó Tân Trạch 60 trẻ, Thượng Trạch 140, Sơn Trạch 175 trẻ.

Phương pháp chọn mẫu: Lập danh sách tất cả trẻ em dưới 5 tuổi và các bà mẹ có trẻ em dưới 5 tuổi riêng từng xã sau đó chọn ngẫu nhiên theo từng xã đủ số lượng điều tra.

Kỹ thuật và công cụ thu tập số liệu

- Kỹ thuật cân: sử dụng cân điện tử SECA độ chính xác 0,1kg. Kết quả của cân nặng được bằng kg với một số thập phân.

- Kỹ thuật đo chiều cao: Xác định chiều cao của trẻ ≥ 25 tháng tuổi sử dụng phương pháp đo chiều cao đứng (thước dây dán sát vào tường) và đo chiều dài nằm đối với trẻ < 25 tháng tuổi (thước đo chiều dài nằm).

- Phỏng vấn trực tiếp: Bộ câu hỏi thiết kế sẵn điều tra các yếu tố liên quan

3. Xử lý số liệu

Các số liệu thu thập, câu hỏi sau khi được phỏng vấn xong sẽ được kiểm tra tính phù hợp, hoàn thiện của bộ câu hỏi. Dữ kiện sẽ được mã hóa và nhập vào máy tính, sử dụng phần mềm SPSS 11.5 để nhập số liệu và phân tích số liệu.

5. Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu xuất phát từ mong muốn làm giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em. Thông tin nhạy cảm của đối tượng sẽ được đảm bảo giữ bí mật và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu. Mọi nghiên cứu liên quan đến đối tượng đều có sự thoả thuận và đồng ý của đối tượng, cha và mẹ đối tượng. Đề tài đã được thông qua hội đồng đạo đức Trường Đại học Thăng Long.

III. KẾT QUẢ

1. Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi

Kết quả SDD thể nhẹ cân chiếm 23,7% SDD thể thấp còi chiếm 31,5%; SDD thể gầy còm chiếm 8,8% (Bảng 1).

Bảng 1. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em <5 tuổi theo các thể

Các thể SDD	Có SDD		Không SDD	
	n	%	n	%
Thể nhẹ cân	89	23,7	286	76,3
Thể thấp còi	118	31,5	257	68,5
Thể gầy còm	33	8,8	342	91,2

Theo nghiên cứu ta thấy tỷ lệ SDD khác nhau ở cả 3 thể SDD giữa các dân tộc, Dân tộc Chứt có tỷ lệ SDD cao nhất ở thể thấp còi chiếm 60%, Dân tộc Vân kiều chiếm 26,0%. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê.(Biểu đồ 1).

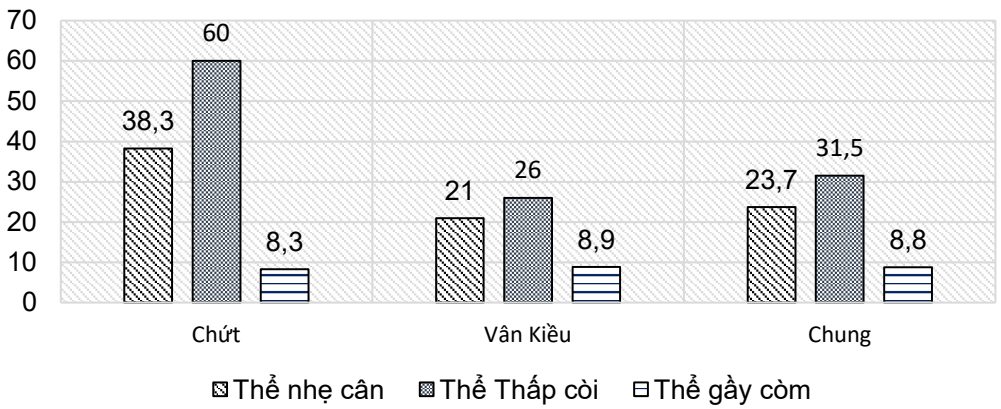

Biểu đồ 1. Tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ theo dân tộc

Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở Tân Trạch tới 38,3%, Thượng Trạch chiếm 30,8% và Sơn Trạch 12,6%. Ở thể thấp còi, Tân trạch chiếm 60%, Thượng Trạch chiếm 38,3% và Sơn Trạch chiếm 16.1% và tỷ lệ gầy còm rất cao ở Tân Trạch 25%, Thượng trạch tỷ lệ trung bình 10,6% và thấp nhất là Sơn Trạch chiếm 3%. Sự khác biệt tỷ lệ suy dinh dưỡng ở 3 xã chêch lệch nhau có ý nghĩa thống kê ở cả 3 thể với p < 0,05.(Bảng 2).

Bảng 2.Suy dinh dưỡng của trẻ theo xã

Xã	Suy dinh dưỡng					
	Thể nhẹ cân		Thể Thấp còi		Thể gầy còm	
	n	%	n	%	N	%
Tân Trạch	23	38,3	36	60	15	25,0
Thượng Trạch	44	30,8	54	38,3	15	10,5
Sơn Trạch	22	12,6	28	16,1	3	1,7
Tổng	89	23,7	118	31,5	33	8,8
Ý nghĩa thống kê	χ^2 =12,172 p < 0,05		χ^2 = 44,776 p < 0,05		χ^2 = 31,069 p < 0,05	

2. Các yếu tố liên quan đến suy dinh dưỡng của trẻ

Bà mẹ có kiến thức từ tiểu học trở xuống có con bị SDD chiếm 35,9% cao hơn bà mẹ tốt nghiệp

THCS trở lên (21,2%); bà mẹ làm rẫy có con bị SDD cao nhất, chiếm 29,7%, thấp nhất là nhóm các bà mẹ buôn bán hoặc viên chức, cán bộ(8,8%);bà mẹ có hộ nghèo có con SDD chiếm 28,2% và nhóm các bà mẹ trên 35 tuổi có con SDD chiếm 29,4%.(Bảng 3)

Bảng 3. Một số yếu tố liên quan đến bà mẹ

Nội dung	Tính chất	Tình trạng SDD				Tổng	Ý nghĩa Thống kê
		Có SDD		Không SDD			
		N	%	n	%		
Kiến thức chung	Trung bình	63	50.4	62	49.6	125	$\chi^2 = 73.662$ $p < 0,05$
	Tốt, khá	26	10,4	224	89.6	250	
	Tổng cộng	89	23,7	286	76,3	375	
Thời gian cho bú sau sinh	< 6h	50	16,8	248	83,2	298	$\chi^2 = 38.782$ $p < 0,05$
	≥ 6h	39	50,6	38	49,4	77	
	Tổng	89	23,7	286	76,3	375	
Thời gian cai sữa	< 12 tháng	54	41,9	75	58,1	129	$\chi^2 =35.699$ $p < 0,05$
	≥ 12 tháng	35	14,2	211	85,8	246	
	Tổng	89	23,7	286	76,3	375	
Cho ăn dặm	Đúng cách	45	17,3	215	82,7	260	$\chi^2 = 19.340$ $p < 0.05$
	Không đúng	44	38,3	71	61,7	115	
	Tổng	89	23,7	286	76,3	375	

Có sự liên quan giữa nhóm trẻ được bú mẹ sớm trước 6 giờ và nhóm trẻ được bú mẹ sau 6 giờ; trẻ được bú mẹ sau 6 giờ có tỷ lệ SDD nhẹ cân thấp hơn trẻ được bú mẹ sau 6 giờ là 50,6%. Nhóm trẻ có thời gian cai sữa trước 12 tháng tuổi có tỷ lệ SDD chiếm 41,9%. Nhóm trẻ bắt đầu cho ăn dặm đúng cách tỷ lệ SDD chỉ chiếm 17,3, nhóm trẻ không được ăn dặm đúng cách có tỷ lệ SDD 38,3%. (Bảng 4).

Bảng 4. Liên quan giữa kiến thức và thực hành của mẹ về nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ với SDD của trẻ

Nội dung	Tính chất	Tình trạng SDD				Tổng	Ý nghĩa Thống kê
		Có SDD		Không SDD			
		N	%	n	%		
Kiến thức chung	Trung bình	63	50.4	62	49.6	125	$\chi^2 = 73,662$ $p < 0,05$
	Tốt, khá	26	10,4	224	89.6	250	
	Tổng cộng	89	23,7	286	76,3	375	

Nội dung	Tính chất	Tình trạng SDD				Tổng	Ý nghĩa Thống kê
		Có SDD		Không SDD			
		N	%	n	%		
Thời gian cho bú sau sinh	<6h	50	16,8	248	83,2	298	χ^2 = 38,782 p < 0,05
	≥6h	39	50,6	38	49,4	77	
	Tổng	89	23,7	286	76,3	375	
Thời gian cai sữa	<12 tháng	54	41,9	75	58,1	129	χ^2 =35.699 p < 0,05
	≥12 tháng	35	14,2	211	85,8	246	
	Tổng	89	23,7	286	76,3	375	
Cho ăn dặm	Đúng cách	45	17,3	215	82,7	260	χ^2 = 19,340 p < 0,05
	Không đúng	44	38,3	71	61,7	115	
	Tổng	89	23,7	286	76,3	375	

VI. BÀN LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi 375 trẻ em dân tộc Chứt và Vân Kiều tại 3 xã miền núi Sơn Trạch, Tân trạch, Thượng Trạch tỉnh Quảng Bình thì tỷ lệ SDD trẻ em < 5 tuổi: Thể nhẹ cân (CN/T) là 23,7%; Thể thấp còi (CC/T) là 31,5%; Thể gầy còm (CNCC) là 8,8%. Dân tộc Chứt có tỷ lệ SDD cao nhất chiếm 38,3% trong khi tỷ lệ SDD của trẻ em dân tộc Vân Kiều chiếm 21,0%. So sánh với tỷ lệ SDD trẻ em < 5 tuổi ở một số dân tộc khác như Dân tộc Pa Cô ở Quảng Trị (2011): 52,8% ; Các dân tộc thiểu số ở Thừa thiên Huế CN/T: Ka Tu 47,1%, Pa Cô 42,75%, Tà Ôi 44,85%[5] thì nghiên cứu của chúng tôi có tỷ lệ SDD thấp hơn. Như vậy yếu tố dân tộc liên quan đến tình hình SDD của trẻ em tại 3 xã nghiên cứu. Tại nghiên cứu của chúng tôi tỷ lệ SDD nhẹ cân có liên quan đến địa bàn xã: Sơn Trạch 12,6%, Tân Trạch 38,3%, Thượng Trạch 12,6%. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (p < 0,05) ở cả thể nhẹ cân và thể thấp còi. Tân Trạch, Thượng Trạch có tỷ lệ SDD cao là do đây là hai xã miền núi rẻo cao, Thượng Trạch có biên giới tiếp giáp với nước CHDCND Lào, địa hình bị chia cắt, giao thông không thuận lợi, do đó kinh tế chậm phát triển hơn Sơn Trạch.

Bà mẹ có trình độ từ Tiểu học trở xuống có con bị SDD thể nhẹ cân 35,9%, nhóm từ THCS trở lên 21,2% sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (p < 0,05). Liên quan rõ ràng giữa trình độ học vấn và SDD đã được nhiều tác giả nghiên cứu, Trần Quang Trung chỉ ra rằng tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi càng tăng khi trình độ học vấn càng thấp.[2] Kết quả nghiên cứu đã nói lên được nghề nghiệp của mẹ cũng có những tác động nhất định đến SDD của trẻ. Nghiên cứu của chúng tôi cũng phù hợp với nhiều nghiên cứu Phan Thị Bích Ngọc và cộng sự ở TP Huế.[7] Về mối liên quan tuổi bà mẹ và suy dinh dưỡng, mẹ 35 tuổi trở xuống có con SDD 16,1%, trên 35 tuổi là 29,4%, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (p < 0,05).Các bà mẹ quá lớn tuổi sinh con có nhiều nguy cơ SDD nhiều hơn. Kết quả của chúng tôi tương tự với nghiên cứucủa Bùi Việt Anh ở Quảng Ninh.[8] Trong nghiên cứu tỷ lệ SDD của trẻ dưới 5 tuổi gia đình có kinh tế nghèo là 28,2% cao hơn tỷ lệ SDD nhẹ cân của trẻ dưới 5 tuổi có gia đình kinh tế không nghèo là 24,6%. Điều đó chứng tỏ rằng kinh

tế gia đình quyết định một phần nào đó đến sự phát triển về thể lực của trẻ, khi gia đình kinh tế nghèo trẻ sẽ thiếu thốn về vật chất cho sự phát triển thể lực.

Ngay một nghiên cứu gần đây về tình trạng dinh dưỡng trẻ em từ 12 - 36 tháng ở huyện Kim Động Hưng Yên có tỷ lệ thấp còi còn tới 23,5%.[9] Thời gian cai sữa cũng liên quan đến tình trạng SDD, trẻ được cai sữa trước 12 tháng tuổi tỷ lệ SDD là 41,9%, cai sữa sau 12 tháng là 14,2%, cũng theo nghiên cứu của Lê Danh Tuyên (2012).[10] Trong nghiên cứu có sự chênh lệch về SDD của trẻ được ăn bổ đúng cách (17,3%) và ăn bổ sung không đúng cách (38,3), điều đó chứng tỏ có sự liên quan giữa SDD và cho ăn bổ sung. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương tự với các nghiên cứu: Phan Thị Bích Ngọc và cộng sự TP Huế.[7] Về sự liên quan giữa thời gian cho bú, tỷ lệ SDD bú sau 6h là 50,6% và trước 6h là 16,8%. Tỷ lệ này phù hợp với các nghiên cứu Lữ Văn Quân ở Quan sơn - Thanh hóa.[11] Lý giải điều này là do tập quán của đồng bào Vân Kiều và Đồng bào Chứt sinh tại nhà hoặc ở chòi nhỏ bên ngoài nhà; sau khi sinh xong bà mẹ ra suối tắm rửa sạch sẽ mới vào cho trẻ bú nên thời gian bú rất muộn.

V. KẾT LUẬN

Tình trạng SDD trẻ em < 5 tuổi người dân tộc Chứt và Vân Kiều ở 3 xã: Tân Trạch, Sơn Trạch, Thượng Trạch - Bố Trạch – Quảng Bình có tỷ lệ suy dinh dưỡng ở 3 xã trên ở mức cao. Dân tộc Chứt Tỷ lệ SDD trẻ dưới 5 Tuổi chiếm 38,3%; Dân tộc Vân kiều chiếm 21,0%. Tỷ lệ SDD thấp còi (chiều cao/tuổi) là 31,5% và tỷ lệ suy dinh dưỡng thể gầy còm (CN/CC) tới 8,8% ở % ngưỡng có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng cao.

Các yếu tố về kinh tế gia đình nghèo , trình độ học vấn thấp của bà mẹ cũng như kiến thực hành nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ không đúng của bà mẹ là những yếu tố liên quan đến tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ. Để cải thiện tình trạng dinh dưỡng của trẻ em người dân tộc Chứt và Vân Kiều tại Bố Trạch Quảng Bình cần có có chương trình can thiệp cải thiện điều kiện kinh tế hộ gia đình và nâng cao kiến thức chăm sức khỏe, dinh dưỡng để giảm suy dinh dưỡng ở khu vực này.

Lời cảm ơn

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn Trung tâm Y tế huyện Bố Trạch, Uỷ ban nhân dân và cán bộ các trạm y tế xã Sơn Trạch, Tân Trạch, Thượng Trạch đã tạo điều kiện trong suốt quá trình thực hiện nghiên cứu. Chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các bà mẹ đã tình nguyện tham gia nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Xuân Ninh, Nguyễn Thanh Hương, Phạm Thị Ngần, Nguyễn Anh Tuấn, Đặng Trường Duy, Lê Danh Tuyên .Thiếu vitamin A tiền lâm sàng, thiếu máu ở trẻ em dưới 5 tuổi tại Việt Nam - năm 2008.*Tạp chí Dinh dưỡng và thực phẩm.*2010; 6(3+4): 65 - 71.

2. Bộ Y tế Viện Dinh dưỡng. *Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Hà Nội,* Nhà xuất bản Y học;2012

3. Trần Văn Tuyến, Phạm Trung Kiên, Trịnh Hoàng Hà. Công tác phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi tại huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. *Tạp chí Y học thực hành.*2012; 2(806): 53 - 55.

4. Lê Hữu Uyển, Nguyễn Văn Tập.Nghiên cứu tình hình suy dinh dưỡng và các yếu tố liên quan ở TE<5T đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa. *Tạp chí nghiên cứu Y học.*2009;63(4):116 - 120.

5. Lương Tuấn Dũng .Tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan ở trẻ em dưới 5 tuổi tại 2 xã Phúc Thịnh, Xuân Quang huyện Chiêm

Hóa, tỉnh Tuyên Quang năm 2008. *Tạp chí Y học thực hành.*2013; 12(899): 22 - 25.

6. Lê Văn Cư. Nghiên cứu tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi và một số yếu tố liên quan ở người dân tộc vân kiều tại 3 xã miền núi huyện Lệ Thuỷ - Tỉnh Quảng Bình năm 2012. *Luận vă chuyên khoa II, Đại học Y dược Huế.*2013;68 - 70.

7. Nguyễn Minh Tuấn, Hoàng Khải Lập .Bữa ăn Thị Phạm :giải pháp phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi tại khu vực miền núi. *TC.DD&TP6.*2010;(3+4):72 - 77.

8. Bùi Việt Anh, Nguyễn Ngọc Sán.Tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan đến suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi tỉnh Quảng Ninh. *Tạp chí Thông tin Y học.*2010; 9:19 - 24.

9. Dang van Chuc, Nguyen Xuan Hung, et al. Nutritional status of children aged 12 - 36 months in a rural district of Hung Yen province, Vietnam . *BioMed Research International.*2019;(8): ID 6293184.doi.org/10.1155/2019/6293184

10. Lê Danh Tuyên, Lê Thị Hợp, Nguyễn Hồng Trường. Ảnh hưởng của lũ lụt đến tình trạng dinh dưỡng và khẩu phần ăn trẻ em tỉnh Quảng Bình. *Tạp chí Y học thực hành*. 2012; 4 (815): 15 - 18.

11. Viện Dinh Dưỡng, T*ổng cục Thống kê .Tổng điều tra dinh dưỡng năm 2009 – Điều tra giám sát dinh dưỡng và điều tra điểm 2010.* Hà Nội, Nhà xuất bản thống kê;2010.

Summary

MALNUTRITION AND RELATED FACTORS AMONG CHILDREN UNDER 5 YEARS OLD OF THE CHUT AND VAN KIEU ETHNIC IN 2019

Our study described the malnutrition status and analysed associated factors among children under 5 years old of the Chut and Van Kieu ethnic people at 3 mountainous communes of Bo Trach district, Quang Binh province in 2019. This was a cross- sectional study conducted among 375 children under 5 years old and their mothers by using the anthropometric indicators and designed questionnaire. The results showed that the malnutrition rate among children under 5 years of the Chut and Van Kieu ethnic groups is 38.3% and 21.0%, respectively. There were a 31% of children with stunting malnutrition, and the proportion of wasted body malnutrition is 8.8%. Factors related to high rates of malnutrition among the Chut and Van Kieu ethnic people include poor household economy, limited education and lack of knowledge about child care and nurturing practices. There should be a program to improve living standards, health care and nutrition for mothers and children of the Chut and Van Kieu ethnic groups in Bo Trach Quang Binh to reduce the rate of malnutrition.

Key words: Malnutrition, children under 5 years old, Chut ethnic group, Van Kieu ethnic group.